

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	664.515.713.851	665.002.629.281
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	188.205.290
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		664.515.713.851	664.814.423.991
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	602.886.462.978	605.870.663.603
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.629.250.873	58.943.760.388
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	81.492.012	143.062.659
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.197.413.083	1.315.116.688
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.183.629.070	1.286.901.962
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8a	36.759.450.105	35.153.431.527
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8b	9.619.261.019	10.782.594.777
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.134.618.678	11.835.680.055
11. Thu nhập khác	31	VI.6	53.661.508	2.319.194
12. Chi phí khác	32	VI.7	227.223.078	52.412.478
13. Lợi nhuận khác	40		(173.561.570)	(50.093.284)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.961.057.108	11.785.586.771
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	2.636.065.805	2.368.331.155
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.324.991.303	9.417.255.616

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

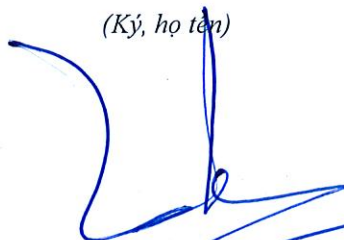
(Ký, họ tên)



Lê Thị Kim Dung

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Ngô Thu Dung

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hà Quốc Cường